

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

Trụ sở: Tầng 5&6 Tòa nhà Khánh Hội, lô 2/3C đường Lê Hồng Phong, Quận Ngô
Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 031 3556002

Fax 031 3556008

Website: www.hapaco.vn

Email: hapaco@hn.vnn.vn

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2010**

Tên công ty đại chúng: **Công ty cổ phần Tập đoàn HAPACO**

Tên viết tắt: **TẬP ĐOÀN HAPACO**

Tên giao dịch: **HAPACO**

Vốn điều lệ: - Đăng ký : **500.002.510.000 VNĐ**

- Đã phát hành : **186.516.780.000 VNĐ**

Địa chỉ: **Tầng 5 + 6 Toà nhà Khánh Hội, Lô2/3C Lê Hồng Phong, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.**

Điện thoại: **(08431) 3556002**

Fax: **(08431) 3556008**

Website: **www.hapaco.vn**

Tập đoàn đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 055591 ngày 17 tháng 06 năm 1999, cấp lại lần thứ 11 ngày 21 tháng 11 năm 2009.

Mã số thuế: **0200371361**

I. Lịch sử hoạt động của Công ty:

1. Những sự kiện quan trọng:

Tiền thân của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO là Xí nghiệp Giấy bìa Đồng Tiến, được thành lập ngày 14/09/1960 trên cơ sở giấy nhỏ được công tư hợp doanh thành DNNN, chuyên sản xuất các loại bìa cát tông với các thiết bị cũ sản xuất trong nước, giải quyết một phần nhu cầu về giấy cho nhân dân thành phố thời kỳ chiến tranh. Năm 1975, do nhu cầu giấy viết giấy in tài liệu tăng cao, Xí nghiệp đã mở rộng đầu tư thêm dây chuyền sản xuất giấy mỏng, cung cấp các loại giấy in, viết, đánh máy.

Tháng 12/1986, xí nghiệp đổi tên thành Nhà máy Giấy Hải Phòng. Thời gian này chất lượng các sản phẩm giấy của Nhà máy không thể cạnh tranh được với các sản phẩm cùng loại của nhà máy giấy Bãi Bằng, Vĩnh Phúc, vì vậy lãnh đạo Nhà máy quyết định chọn phương thức sản xuất mới cho thị trường phía bắc, cải tiến các thiết bị sản xuất giấy vệ sinh trên dây chuyền thiết bị cũ tiết kiệm hàng tỷ đồng, bên cạnh đó, đẩy mạnh xuất khẩu sang Liên Xô (cũ).

Năm 1991, Nhà máy đã nhanh chóng tiếp cận thị trường Đài Loan, xuất khẩu sang Đài Loan sản phẩm giấy đế, một mặt hàng hoàn toàn mới tại Việt Nam thời gian đó, nhờ vậy, sản xuất kinh doanh của Nhà máy ổn định và tăng trưởng vững chắc.

Tháng 12/1992, Nhà máy đổi tên thành Công ty Giấy Hải Phòng - HAPACO. Từ đây, Công ty đã lớn mạnh không ngừng, bình quân tăng trưởng hàng năm 31%, đặc biệt năm 1996 tỷ lệ tăng trưởng là 200%. HAPACO trở thành công ty đứng thứ 2 ở miền Bắc trong ngành Giấy.

Đầu năm 1998, Công ty Giấy Hải Phòng đã tách 3 phân xưởng sản xuất để tiến hành cổ phần hóa một bộ phận thành lập Công ty cổ phần Hải Âu (HASCO). Đến tháng 9/1999, vốn điều lệ của HASCO đã tăng trưởng gấp 3 lần, chia cổ tức cho cổ đông trị giá bằng 100% vốn cổ phần. Với kết quả như trên, UBND Thành phố Hải Phòng quyết định cổ phần hóa phần còn lại của Công ty. Ngày 28/10/1999, Công ty Giấy Hải Phòng chính thức hợp nhất vào Công ty cổ phần Hải Âu, đổi tên thành Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng - HAPACO.

Tháng 8/2000, Công ty là một trong 04 công ty cổ phần đầu tiên niêm yết cổ phiếu trên Trung tâm giao dịch chứng khoán TP.HCM (nay là Sở giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh).

Ngày 7/4/2006, trong phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty, Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí đổi tên Công ty từ Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng thành Công ty Cổ phần HAPACO.

Ngày 25/11/2006, Nhà máy giấy Kraft của Công ty đã cho sản phẩm giấy đầu tiên, đây là nhà máy sản xuất giấy Kraft xuất khẩu lớn nhất miền bắc và lớn thứ 2 trong cả nước với công suất 22.000 tấn/năm. Công trình được thành phố Hải Phòng đưa vào công trình chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X.

Công ty đã mua lại các nhà máy, các công ty trong và ngoài ngành giấy nâng tổng số công ty thành viên là 05 công ty, đáp ứng yêu cầu ổn định nguồn nguyên liệu sản xuất và đa dạng hoá ngành nghề kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó với điều kiện thị trường chứng khoán thuận lợi trong năm 2006, 2007 công ty đã thực hiện đầu tư tham gia vào lĩnh vực tài chính chứng khoán như góp vốn thành lập Công ty Chứng khoán Hải Phòng, thành lập Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Hải Phòng và Công ty TNHH đầu tư tài chính Hapaco đã đem lại lợi nhuận đáng kể.

Năm 2009, để đáp ứng quy mô phát triển về cả chiều rộng và chiều sâu, Công ty đã chuyển sang hoạt động theo mô hình Tập đoàn với tên gọi Công ty cổ phần tập đoàn HAPACO (gọi tắt là Tập đoàn HAPACO) gồm 14 công ty thành viên và 3 công ty liên kết. Theo đó, mọi hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ do từng đơn vị thành viên trong Tập đoàn chịu trách nhiệm, Ban lãnh đạo Tập đoàn thực hiện vai trò giám sát điều tiết các nguồn lực cho sự phát triển của tất cả các thành viên.

2. Quá trình phát triển:

+ Ngành nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất bột giấy và giấy các loại, sản phẩm chế biến từ lâm nông sản để xuất khẩu;
- Sản xuất kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm chưng cất từ dầu mỏ;
- Sản xuất và kinh doanh hàng dệt may xuất khẩu;
- Kinh doanh vận tải hành khách thủy, bộ;
- Kinh doanh bất động sản, xây dựng văn phòng và chung cư cho thuê;
- Đầu tư tài chính và mua bán chứng khoán;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch sinh thái;
- Kinh doanh các sản phẩm và thiết bị, máy móc, vật tư, nguyên liệu, hóa chất thông thường;
- Đào tạo nguồn nhân lực.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- In ấn: In giấy vàng mã xuất nhập khẩu;
- Hoạt động của các bệnh viện.

+ Tình hình hoạt động:

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 31/12/2010 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính.

3. Định hướng phát triển:

Các mục tiêu chủ yếu, chiến lược trung và dài hạn :

Định hướng phát triển của HAPACO đến năm 2015 tập trung vào một số điểm cơ bản sau: Phân đấu phát triển HAPACO thành một công ty hoạt động đa ngành, đa lĩnh vực, đa dạng hoạt động kinh doanh sang một số lĩnh vực mới như kinh doanh văn phòng cho thuê; trung tâm thương mại và nhà hàng; phát triển sản xuất kinh doanh mặt hàng dệt, may mặc; kinh doanh dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe và đào tạo nguồn nhân lực.

Mục tiêu của HAPACO phấn đấu đến năm 2015:

- Sản xuất công nghiệp:
 - Giấy và bột giấy đạt công suất lên 120.000 tấn/năm, đạt doanh thu 1.200 tỷ đồng/ năm
 - Hàng dệt may đạt công suất lên 1.200 tấn/năm

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

- Thương mại, tài chính, dịch vụ đạt doanh số: 300 tỷ đồng/năm.
- Kinh doanh bệnh viện phụ sản quốc tế đạt 50 tỷ đồng/ năm.
- Đào tạo nguồn nhân lực:
 - 2.000 công nhân kỹ thuật, trung cấp và học sinh phổ thông từ mẫu giáo đến hết lớp 12 PTTH.
 - Xuất khẩu lao động: 1.300 người/năm.

Các dự án phát triển Công ty trong giai đoạn 2007 - 2015:

- Mở rộng nhà máy bột giấy xuất khẩu công suất 12.000 tấn/năm tại Cụm CN Nam Quang, thị trấn Vĩnh Tuy, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang lên 32.000 tấn/năm.
- Dự án đầu tư mới nhà máy bột giấy khử mực (DIP) giấy loại công suất 15.000 tấn/năm.
- Dự án Bệnh viện phụ sản quốc tế Hải Phòng tại số 738 Nguyễn Văn Linh, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng.
- Dự án Trung tâm Thương mại - cao ốc, văn phòng cho thuê tại số 135 Điện Biên Phủ, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị:

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm:

Thực hiện kế hoạch phát triển Kinh tế Xã hội 5 năm (2006 - 2010) theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XIII, cán bộ công nhân viên và lao động đã tích cực hưởng ứng Phong trào thi đua của Thành phố và trào mừng các ngày lễ lớn của đất nước ngay từ ngày đầu, tháng đầu năm 2010 toàn công ty ra quân phát động mạnh mẽ các phong trào thi đua tập trung phấn đấu tốt nghị quyết ĐHĐCĐ của Công ty với quyết tâm cao. Kết quả đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch trước thời hạn 25 ngày với các chỉ tiêu cơ bản sau:

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện kế hoạch năm 2010	Tỷ lệ % so với cùng kỳ
1	Giá trị SXCN	Triệu đồng	510.000	121,67
2	Doanh thu	Triệu đồng	363.261	118,2
3	Nộp ngân sách	Triệu đồng	nộp đúng, nộp đủ	
4	Lợi nhuận	Triệu đồng	55.272	102,4

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

2. Triển vọng và kế hoạch năm 2011:

2.1 Các chỉ tiêu chính :

- Giá trị SXCN: 620.000 triệu đồng
- Doanh thu: 410.000 triệu đồng
- Lợi nhuận: 25.000 triệu đồng
- Chia cổ tức: 15% (trong đó: 5% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu).

2.2 Các hành động cụ thể:

- Tuyển chọn nhân sự cấp cao có chất lượng trong các mặt hoạt động của Tập đoàn.
- Huy động các nguồn vốn thích hợp đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án. Khả năng triển khai dự án phát hành và niêm yết cổ phiếu sang thị trường chứng khoán Hoa Kỳ.
- Bổ sung quy chế tiền lương gắn với kết quả hoạt động SXKD của từng đơn vị thành viên, có thưởng phạt nghiêm minh.
- Sắp xếp lại các công ty thành viên, tập trung cho những đơn vị kinh doanh hiệu quả; giải thể sáp nhập các đơn vị kinh doanh có lỗ lũy kế lớn hơn 30% vốn điều lệ của từng công ty thành viên.

III. Báo cáo của Ban giám đốc:

1. Báo cáo tình hình tài chính:

- Khả năng sinh lời:

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2009
Lợi nhuận HĐSXKD/Doanh thu thuần	15,3%	18,9%
Lợi nhuận HĐSXKD/Tổng tài sản	8,6%	7,8%
Lợi nhuận HĐSXKD/Vốn chủ sở hữu	10,9%	11,7%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.357	2.385

- Khả năng thanh toán:

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2009
Khả năng thanh toán nhanh (lần)	2,37	1,45
Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	2,89	1,91

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010:

Tài sản		Nguồn vốn	
1. Tài sản ngắn hạn	322.847.008.385	1. Nợ phải trả	112.488.611.764
2. Tài sản dài hạn	320.286.916.610	2. Vốn chủ sở hữu	504.830.609.103
		3. Lợi ích CĐ thiểu số	25.814.704.128
Cộng	643.133.924.995	Cộng	643.133.924.995

- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

+ Vốn góp đầu năm:	186.516.780.000 đ
+ Vốn góp tăng trong năm:	0 đ
+ Vốn góp cuối năm:	186.516.780.000 đ

- Cổ phiếu:

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	18.651.678 CP
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng:	18.651.678 CP
+ Trong đó cổ phiếu phổ thông:	18.651.678 CP
Số lượng cổ phiếu được mua lại:	155.470 CP
+ Trong đó cổ phiếu phổ thông:	155.470 CP
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	18.496.208 CP
+ Trong đó cổ phiếu phổ thông:	18.496.208 CP
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000VND/CP

- Các quỹ của Tập đoàn:

Quỹ đầu tư phát triển:	59.121.681.697 đ
Quỹ dự phòng tài chính:	6.272.609.336 đ

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2010:

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	363.261.296.188	288.490.159.231
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	2.216.570.405	2.952.176.572
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	361.044.725.783	285.537.982.659
4.	Giá vốn hàng bán	11	298.319.105.707	247.734.879.754
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	62.725.620.076	37.803.102.905

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	18.348.113.431	45.239.404.671
7.	Chi phí tài chính	22	(10.489.746.041)	(5.695.554.453)
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	6.418.405.959	4.757.893.799
8.	Chi phí bán hàng	24	14.537.691.845	8.037.734.852
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	29.589.656.064	28.074.127.804
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	47.436.131.639	52.626.199.373
11.	Thu nhập khác	31	11.883.658.805	3.949.695.677
12.	Chi phí khác	32	2.674.988.333	2.621.865.191
13.	Lợi nhuận khác	40	9.208.670.472	1.327.830.486
14.	Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	45	(1.372.514.413)	-
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	55.272.287.698	53.954.029.859
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	7.981.976.574	7.560.667.077
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	47.290.311.124	46.393.362.782
19.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	3.702.977.249	5.469.731.915
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62	43.587.333.875	40.923.630.867
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	2.357	2.385

Mặc dù bị ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, nền kinh tế vĩ mô trong nước có nhiều biến động nhưng hoạt động kinh doanh của Tập đoàn vẫn đạt mức tăng trưởng khá. Tuy nhiên, do các yếu tố đầu vào tăng mạnh (lạm phát, lãi suất vay vốn tăng cao) cùng với thị trường chứng khoán sụt giảm đã ảnh hưởng lớn đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Vì vậy, lợi nhuận năm 2011 chưa đạt được kế hoạch đề ra.

IV. Báo cáo tài chính:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	31/12/2010	01/01/2010
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	322.847.008.385	278.149.810.413
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	26.609.364.009	38.321.628.511
1.	Tiền	111	26.609.364.009	36.021.628.511
2.	Các khoản tương đương tiền	112	-	2.300.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	111.102.025.308	75.609.033.639
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	112.522.464.742	79.659.189.338
2.	Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129	(1.420.439.434)	(4.050.155.699)
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	116.218.905.693	81.191.239.042

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

1. Phải thu khách hàng	131	34.404.550.620	22.675.400.885
2. Trả trước cho người bán	132	15.265.507.261	11.536.505.494
3. Các khoản phải thu khác	135	70.197.558.704	49.162.124.306
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	(3.648.710.892)	(2.182.791.643)
IV. Hàng tồn kho	140	58.015.414.876	66.975.939.215
1. Hàng tồn kho	141	58.115.001.222	69.241.582.094
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	(99.586.346)	(2.265.642.879)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	10.901.298.499	16.051.970.006
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	683.027.257	894.385.821
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.222.725.878	7.549.070.876
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	11.285.988	4.054.688
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	4.984.259.376	7.604.458.621
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	320.286.916.610	413.726.470.289
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	-	-
II Tài sản cố định	220	202.078.796.601	257.195.279.396
1. Tài sản cố định hữu hình	221	136.554.007.821	208.853.003.829
- Nguyên giá	222	212.103.636.585	290.299.648.253
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(75.549.628.764)	(81.446.644.424)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
- Nguyên giá	225	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.873.328.318	6.235.833.062
- Nguyên giá	228	7.132.094.928	7.366.081.128
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(1.258.766.610)	(1.130.248.066)
4. Chi phí XDCB dở dang	230	59.651.460.462	42.106.442.505
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	104.567.197.480	124.592.512.176
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	62.288.382.732	56.385.005.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	42.278.814.748	82.039.533.017
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259	-	(13.832.025.841)
V. Tài sản dài hạn khác	260	2.140.216.289	18.502.883.437
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	2.140.216.289	18.502.883.437
VI. Lợi thế thương mại	269	11.500.706.240	13.435.795.280
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	643.133.924.995	691.876.280.702

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	31/12/2010	01/01/2010
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300	112.488.611.764	203.148.995.944
I.	Nợ ngắn hạn	310	111.471.356.464	145.201.272.843
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	43.096.012.621	73.232.684.789
2.	Phải trả người bán	312	14.828.936.785	24.371.350.451
3.	Người mua trả tiền trước	313	3.044.395.846	2.918.664.059
4.	Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	9.825.030.380	8.542.475.592
5.	Phải trả người lao động	315	3.526.152.448	3.245.028.176

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

6.	Chi phí phải trả	316	3.414.666.513	9.287.607.847
7.	Các khoản phải trả phải nộp khác	319	34.349.700.298	23.857.089.515
8.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(613.538.427)	(253.627.586)
II.	Nợ dài hạn	320	1.017.255.300	57.947.723.101
1.	Phải trả dài hạn khác	333	350.900.000	464.900.000
2.	Vay và nợ dài hạn	334	-	56.892.039.786
3.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	666.355.300	590.783.315
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	504.830.609.103	461.686.304.251
I.	Vốn chủ sở hữu	410	504.830.609.103	461.686.304.251
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	186.516.780.000	186.516.780.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	247.782.548.671	247.782.548.671
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414	(4.662.935.543)	(4.662.935.543)
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	58.878.352	(498.135.898)
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417	59.121.681.697	56.199.962.653
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418	6.272.609.336	5.771.065.509
9.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	9.741.046.590	(29.422.981.141)
C.	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	25.814.704.128	27.040.980.507
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	643.133.924.995	691.876.280.702

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	363.261.296.188	288.490.159.231
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	2.216.570.405	2.952.176.572
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	361.044.725.783	285.537.982.659
4.	Giá vốn hàng bán	11	298.319.105.707	247.734.879.754
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	62.725.620.076	37.803.102.905
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	18.348.113.431	45.239.404.671
7.	Chi phí tài chính	22	(10.489.746.041)	(5.695.554.453)
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	<i>6.418.405.959</i>	<i>4.757.893.799</i>
8.	Chi phí bán hàng	24	14.537.691.845	8.037.734.852
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	29.589.656.064	28.074.127.804
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	47.436.131.639	52.626.199.373
11.	Thu nhập khác	31	11.883.658.805	3.949.695.677
12.	Chi phí khác	32	2.674.988.333	2.621.865.191

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

13.	Lợi nhuận khác	40	9.208.670.472	1.327.830.486
14.	Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	45	(1.372.514.413)	-
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	55.272.287.698	53.954.029.859
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	7.981.976.574	7.560.667.077
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	47.290.311.124	46.393.362.782
19.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	3.702.977.249	5.469.731.915
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62	43.587.333.875	40.923.630.867
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	2.357	2.385

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
I -	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	55.272.287.698	53.954.029.859
2.	Điều chỉnh cho các khoản		(38.126.585.862)	(34.373.876.525)
	Khấu hao tài sản cố định	02	17.006.507.598	18.615.124.159
	Các khoản dự phòng	03	(48.204.327.214)	(70.668.032.730)
	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(13.347.172.205)	12.721.822.747
	Chi phí lãi vay	06	6.418.405.959	4.757.893.799
3.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	17.145.701.836	19.580.153.334
	Tăng/giảm các khoản phải thu	09	(33.905.653.502)	(31.910.782.894)
	Tăng/giảm hàng tồn kho	10	11.126.580.872	23.715.502.547
	Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(4.599.437.251)	(26.400.842.017)
	Tăng/giảm chi phí trả trước	12	16.574.025.712	3.039.266.987
	Tiền lãi vay đã trả	13	(12.975.967.906)	(5.346.898.421)
	Thuế TNDN đã nộp	14	(7.073.636.642)	(2.588.494.555)
	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	39.802.004.507	2.182.850.832
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(17.160.247.757)	(26.940.611.981)
	Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.933.369.869	(44.669.856.168)
II -	Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(24.029.625.897)	(26.921.658.496)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, TS dài hạn khác	22	1.465.363.048	300.043.286

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(37.793.506.562)	(31.508.360.803)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ dụng cụ nợ của đơn vị khác	24	4.930.231.158	27.716.166.572
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(33.479.836.533)	(68.235.297.635)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	67.337.177.070	131.874.736.637
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.054.815.462	35.309.374.001
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.515.382.254)	68.535.003.562
III - Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	16.798.370.000
2.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	87.975.043.418	54.848.454.553
3.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(94.448.276.862)	(78.912.183.692)
4.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.429.689.600)	(16.798.370.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(11.902.923.044)	(24.063.729.139)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(11.484.935.429)	(198.581.745)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	38.321.628.511	38.550.969.201
	Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(227.329.073)	(30.758.945)
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	26.609.364.009	38.321.628.511

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán.

Địa chỉ: Số 1 Lê Phụng Hiểu – Q. Hoàn Kiếm - Hà Nội

- Ý kiến kiểm toán độc lập: Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

2. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ: Không có ý kiến.

VI. Các công ty có liên quan:

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của công ty: Không có
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do công ty nắm giữ:

Đơn vị tính: VNĐ

Công ty con	Vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2010	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ (%)
1. Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu	32.894.800.000	12.894.800.000	6.774.500.000	52,5

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

2. Công ty Cổ phần Hapaco Yên Sơn	37.300.000.000	11.000.000.000	9.531.700.000	86,7
3. Công ty Cổ phần Hapaco Đông Bắc	45.000.000.000	5.523.855.039	5.523.855.039	100
4. Công ty Cổ phần Hải Hà	20.000.000.000	13.000.000.000	8.000.000.000	61,5
5. Công ty cổ phần Hapaco H.P.P	127.000.000.000	155.630.855.217	155.630.855.217	100
6. Công ty TNHH Hapaco Phương Đông	30.000.000.000	10.984.455.931	10.984.455.931	100
7. Công ty TNHH Đầu tư Tài chính Hapaco	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	100
8. Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Hải Phòng	12.132.000.000	6.132.000.000	6.121.980.000	99,8

Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan:

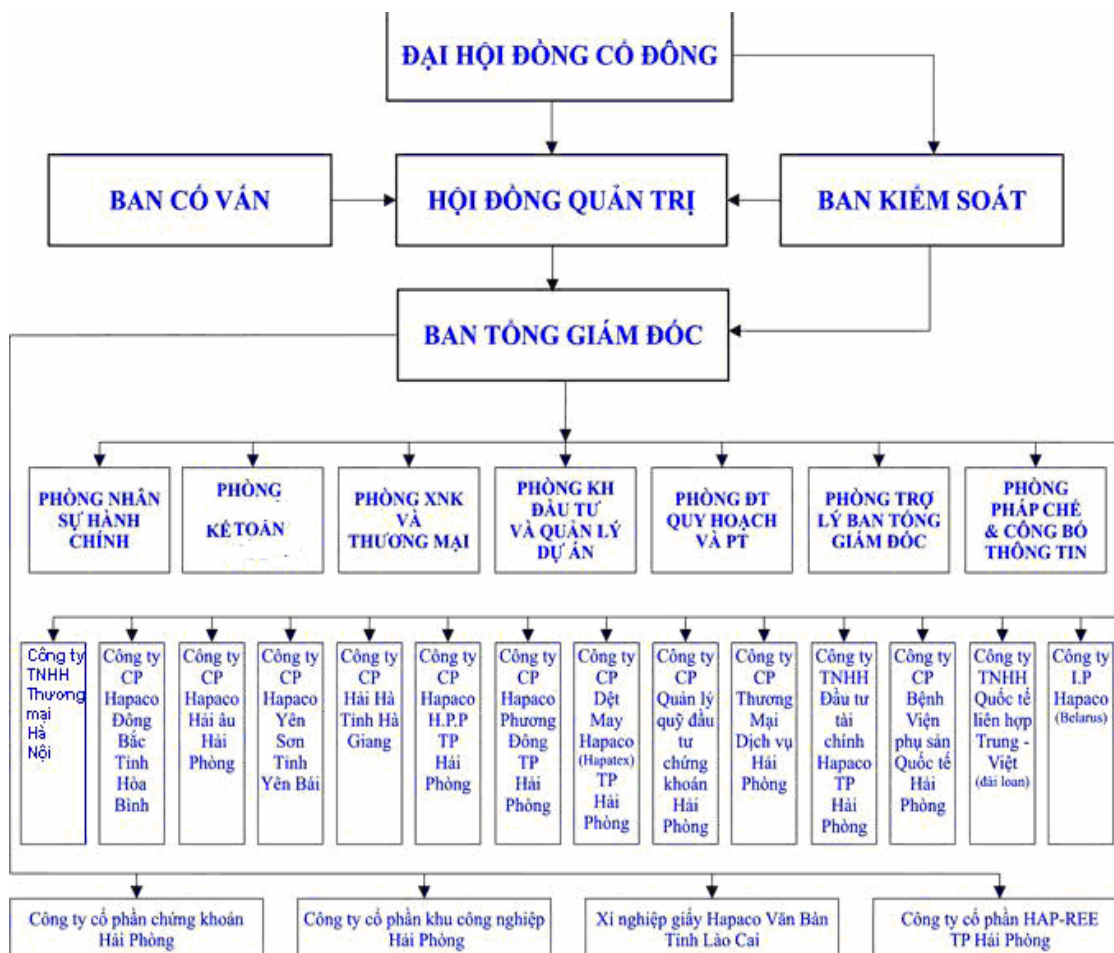
- Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Dệt may HAPACO số 10052010 ngày 10/05/2010 thì Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO thực hiện chuyển nhượng toàn bộ 2.100.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Dệt may HAPACO (HAPATEX) kể từ ngày 30/04/2010.

- Theo Quyết định 62/UBCK-GPĐC ngày 01/02/2010 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc sửa đổi giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hải Phòng, Vốn điều lệ của Công ty là 25 tỷ đồng. Tập đoàn thực hiện điều chỉnh tỷ lệ đầu tư tại Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Hải Phòng giảm xuống 33% nên không đủ điều kiện là Công ty con của Tập đoàn từ năm 2010.

- Tại các Công ty con là Công ty CP HAPACO H.P.P, Công ty Cổ phần HAPACO Đông Bắc chỉ có Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO góp vốn tại thời điểm 31/12/2010.

VII. Tổ chức và nhân sự

- Cơ cấu tổ chức của công ty:



VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

1.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2006-2010

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2007 của Công ty Cổ phần HAPACO, Đại hội chấp thuận đề nghị xin rút khỏi thành viên HĐQT của ông Nguyễn Ngọc Quỳnh và giữ nguyên 7 thành viên HĐQT hết nhiệm kỳ 2006-2010. Cụ thể danh sách thành viên HĐQT như sau:

1. Ông Vũ Dương Hiền - Chủ tịch HĐQT

Số CMTND: 030664890 do CA Hải Phòng cấp ngày 12/10/2007

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 14/9/1942

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

Nơi sinh: xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng
Địa chỉ thường trú: 1/274 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng
Số điện thoại liên lạc: 031. 355 6002
Trình độ văn hóa: 10/10
Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ kinh tế
Chuyên viên lý luận chính trị cao cấp

Quá trình công tác:

- 1958 - 1964: Giáo viên trường phổ thông cấp I, II xã Minh Tân
- Năm 1965: Học trường chính trị ngành giáo dục, bí thư đoàn trường
- 1965 - 1966: Hiệu trưởng trường phổ thông cấp I,II xã Minh Tân
- 1968 - 1977: Bí thư Đảng bộ Xí nghiệp đồ dùng dạy học
- 1977 - 1982: Làm việc tại Ban khoa giáo Thành uỷ Hải Phòng
- 1982 - 1999: Giám đốc Xí nghiệp Giấy bìa Đồng Tiến - Hải Phòng.
- 1999 - 2008: Tổng giám đốc - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần HAPACO
- 2009 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO

Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO

Số cổ phần đang nắm giữ: 762.839 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật (*nếu có*): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không

2. Ông Vũ Xuân Thuỷ - Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Số CMTND: 030977072 do CA Hải Phòng cấp ngày 29/11/2000

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 15/12/1966

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

Nơi sinh: Minh Tân, Thủy Nguyên, Hải Phòng
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Nguyên quán: Minh Tân, Thủy Nguyên, Hải Phòng
Địa chỉ thường trú: Số 11/33 Nguyễn Đức Cảnh, Hải Phòng
Số điện thoại liên lạc: 031. 383 5369
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy
Quá trình công tác:
➤ Trước năm 1990: học nghề
➤ Từ 1990 - nay: Làm việc tại Công ty CP tập đoàn HAPACO
Chức vụ công tác hiện nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Số cổ phần đang nắm giữ: 161.730 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
Các khoản nợ đối với công ty: Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không

3. Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thành viên HĐQT

Số CMTND: 030125463 do CA Hải Phòng cấp ngày 3/7/1978
Giới tính: Nữ
Ngày sinh: 20/12/1952
Nơi sinh: Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Nguyên quán: Hải Phòng
Địa chỉ thường trú: Số 5/A9 phường An Dương, quận Lê Chân, Hải Phòng
Số điện thoại liên lạc: 031.383 5055
Trình độ văn hóa: 10/10

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

Trình độ chuyên môn: Trung cấp công nghệ giấy

Quá trình công tác:

- 1975 - 1986: Công tác tại Phòng KCS - Công ty giấy Hải Phòng
- 1986 - 1990: Phó quản đốc Xưởng sản xuất giấy mỏng- Công ty giấy Hải Phòng
- 1990 - 6/2002: Giám đốc Xí nghiệp giấy mỏng - Công ty CP Giấy Hải Phòng
- 6/2002 - nay: Giám đốc Công ty cổ phần Giấy Hải Âu nay là Công ty CP HAPACO Hải Âu

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO,
Giám đốc Công ty Cổ phần HAPACO Hải Âu.

Số cổ phần đang nắm giữ: 92.053 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không

4. Ông Phạm Trọng Bình- Thành viên HĐQT

Số CMTND: 011632669 do CA Hà Nội cấp ngày 25/9/2001

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 02/03/1950

Nơi sinh: Việt Nam

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Nam Định

Địa chỉ thường trú: Số 29, ngõ 79, Trần Cung, Cầu Giấy, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 04. 393 6036

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Luật Kinh tế

Quá trình công tác:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

- 1975 - 1995: Công tác tại Bộ Ngoại giao - Bộ Nội vụ (Bộ Công an)
- 1995 - 1997: Công tác tại Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam
- 1997 - 04/2010: Công tác tại UBCKNN
- 04/2010 - nay: làm việc tại Công ty Quản lý quỹ đầu tư Chứng khoán Hải Phòng (nay là Công ty CP quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Hapaco).

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không

5. Ông Bùi Đức Thống - Thành viên HĐQT

Số CMTND: 031157929 do CA Hải Phòng cấp ngày 16/6/1998

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 08/9/1959

Nơi sinh: Khúc Giản, An Tiến, Kiến An, Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: 144 An Đà, Ngô Quyền, Hải Phòng

Số điện thoại liên lạc: 029. 385 4491

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Trung cấp cơ khí - xây dựng

Quá trình công tác:

- 1981 – 1985: Công tác tại nhà máy sửa chữa thiết bị cảng biển – Công ty công trình Thủy - Tổng cục đường biển.
- 1986 - 1988: Cán bộ phòng Kế hoạch sản xuất Xí nghiệp Giấy Hải Phòng
- 1989 - 1990: Quản đốc Xưởng gia công số 4 Công ty Giấy Hải Phòng
- 1991 -1995: Phó Giám đốc xí nghiệp giấy đế Công ty Giấy Hải Phòng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

➤ 1996 -2007: Phó Giám đốc công ty Cổ phần Hapaco Yên Sơn kiêm Giám đốc điều hành Xí nghiệp Giấy Trần Yên

➤ 2007 – nay: Giám đốc Công ty CP Hải Hà, tỉnh Hà Giang

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT CTCP Tập đoàn HAPACO, Giám đốc Công ty cổ phần Hải Hà - Tập đoàn HAPACO

Số cổ phần đang nắm giữ: 18.148 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không

6. Bà Phạm Thị Nguyệt - Thành viên HĐQT

Số CMTND: 030538648 cấp ngày: 23/11/2000

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 5/5/1960

Nơi sinh: Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Trường Thọ - An Lão - Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: Số 14/261 Trần Nguyên Hãn - Hải Phòng

Số điện thoại liên lạc: 031. 321 0251

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Trung cấp kinh doanh

Quá trình công tác:

➤ 1982 - 1985: Công tác Đoàn tại Huyện đoàn Đồ Sơn

➤ 1985 - 1989: Công ty kinh doanh (Liên hiệp Hợp tác xã mua bán)

➤ 1989 - 1995: Xí nghiệp Giấy dếp

➤ 1996 - nay: Thủ kho tại Công ty Điện lực Hải Phòng

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn HAPACO

Số cổ phần đang nắm giữ: 59.756 cổ phần

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có):	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty:	Không
Các khoản nợ đối với công ty:	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành:	Không

7. Vũ Xuân Thịnh - Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc

Số CMTND:	031168013 do CA Hải Phòng cấp ngày 20/6/1998
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	20/6/1974
Nơi sinh:	Minh Tân, Thủy Nguyên, Hải Phòng
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Nguyên quán:	Minh Tân, Thủy Nguyên, Hải Phòng
Địa chỉ thường trú:	1/274 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng
Số điện thoại liên lạc:	031. 355 6002
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Luật
Quá trình công tác:	
➤	1991 - 1992: Công nhân Công ty Giấy Hải Phòng
➤	1992-1993: cán bộ kinh doanh Công ty Giấy Hải Phòng.
➤	1993-1998: Xưởng trưởng xưởng gia công số 3 Công ty Giấy Hải Phòng.
➤	1998- 7/2005: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần HAPACO.
➤	7/2005 - 4/2007: Phó TGD Công ty cổ phần HAPACO kiêm Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP HAPACO Yên Sơn (Công ty thành viên Tập đoàn)
➤	5/2007 - nay: Phó TGD Công ty CP HAPACO nay là Tập đoàn HAPACO kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần HAPACO Yên Sơn.
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO
Số cổ phần đang nắm giữ:	201.252 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có):	Không

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không

8. Ông Nguyễn Đức Hậu - Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc

Số CMTND: 030925112 do CA Hải Phòng cấp ngày 16/10/2009

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 21/08/1971

Nơi sinh: Liên Am, Vĩnh Bảo, Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: Số 51/261 Khu nhà ở Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, HP

Số điện thoại liên lạc: 031. 355 6009

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Tài chính Kế toán

Quá trình công tác:

- 1992 - 1994: Công nhân cơ điện Nhà máy giấy Hải Phòng
- 1995 - 1998: Phó giám đốc phân xưởng số 3 Công ty Giấy Hải Phòng
- 1999 - 2005: Giám đốc xí nghiệp số 3 Công ty CP Giấy Hải Phòng
- 2006 - 2008: Giám đốc xí nghiệp số 2 - Công ty CP Giấy Hải Phòng
- 2009 - nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn HAPACO.

Số cổ phần đang nắm giữ: 35.814 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

Các khoản nợ đối với công ty: ông Nguyễn Đức Hậu hiện còn khoản nợ từ việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Tập đoàn Hapaco tại Công ty cổ phần dệt may Hapaco, số tiền: 9.000.000.000 đồng.

Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không

1.2. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

1. Ông Nguyễn Thanh Toàn - Trưởng Ban Kiểm soát

Số CMTND: 030554350 cấp ngày: 31/8/2005

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 22/8/1970

Nơi sinh: Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: Tổ 5 Hòa Hy - Cát Hải - Hải Phòng

Số điện thoại liên lạc: 031. 355 6013

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, kiểm toán viên

Quá trình công tác:

- 1994 - 1996: Kế toán Công ty Duyên Hải Quảng Ninh
- 1996 - 2000: Kế Toán trưởng XN nhựa bao bì Xuất khẩu Quảng Ninh
- 2000 - 2002: Kế toán Công ty In Quảng Ninh
- 2002 - 2005: Trưởng phòng BHNT, Công ty Bảo hiểm nhân thọ Quảng Ninh
- 2005 - 2007: Phụ trách kế toán Chi nhánh Công ty dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Quảng Ninh
- 2007 - 2009: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Hải Phòng
- 2009 - nay: Trưởng phòng kiểm soát nội bộ Công ty TNHH đầu tư tài chính HAPACO

Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Tập đoàn HAPACO

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

Số cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
Các khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không

2. Bà Trần Mỹ Linh - Thành viên Ban Kiểm soát

Số CMTND: 022791760 cấp ngày: 17/4/2003
Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh: 07/01/1975
Nơi sinh: TP. Hồ Chí Minh
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Hoa
Nguyên quán: Phúc Kiến, Trung Quốc
Địa chỉ thường trú: 187 An Dương Vương, P8, Q5, Tp Hồ Chí Minh
Số điện thoại liên lạc: 08. 3855 0226
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:
➤ 1996 - 2000: Cửa hàng Mỹ Nghệ
➤ 2000 - nay: Phó Giám đốc Công ty Huoy piin Bussiness Co.Ltd

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Tập đoàn HAPACO

Số cổ phần đang nắm giữ: 180.996 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
Các khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không

3. Bà Vũ Thị Hiến - Thành viên Ban Kiểm soát

Số CMTND: 030646362 cấp ngày: 25/2/1981
Giới tính: Nữ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

Ngày tháng năm sinh: 20/10/1961

Nơi sinh: Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: Số 9/54 Vạn Kiếp, Hồng Bàng, Hải Phòng

Số điện thoại liên lạc: 031. 383 5538

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 1984 - 1987: Phòng TCHT Công ty Giấy Hải Phòng
- 1987 - 1997: Phòng Kế toán tài chính Công ty Giấy Hải Phòng
- 1997 - 1999: Phòng kế toán tài chính Công ty Giấy Hải Âu
- 1999 - 2001: Phòng Kế toán tài chính Công ty CP Giấy Hải Phòng
- 2002 - nay: Kế toán trưởng Công ty CP HAPACO Hải Âu

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Tập đoàn HAPACO

Số cổ phần đang nắm giữ: 1.358 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không

1.3. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Ban Tổng Giám đốc của HAPACO bao gồm 05 thành viên trong đó có 01 Tổng Giám đốc và 04 Phó Tổng Giám đốc, cụ thể như sau:

1. Ông Vũ Xuân Thủy - Tổng Giám đốc

(Xem thông tin chi tiết tại phần **1.1 Danh sách thành viên Hội đồng quản trị**)

2. Ông Vũ Xuân Thịnh - Phó Tổng Giám đốc

(Xem thông tin chi tiết tại phần **1.1 Danh sách thành viên Hội đồng quản trị**)

3. Ông Nguyễn Đức Hậu - Phó Tổng Giám đốc – Kiêm Giám đốc công ty CP Dệt may HAPACO

(Xem thông tin chi tiết tại phần **12.1 Danh sách thành viên Hội đồng quản trị**)

4. Ông Vũ Xuân Cường - Phó Tổng Giám đốc – Kiêm Giám đốc Công ty CP HAPACO H.P.P

Số CMTND: 012589747 do CA Hà Nội cấp ngày 31/3/2003

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 12/4/1971

Nơi sinh: Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Minh Tân, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: Mễ Trì, Ba Đình, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 031. 397 1736

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 1994 - 1997: Công ty liên doanh vận tải Việt Pháp – TP. Hồ Chí Minh
- 1997 - 2005: Công ty liên doanh vận tải Việt Pháp - TP Hà Nội
- 2005-2008: Giám đốc Nhà máy Giấy Hải Phòng nay là Công ty cổ phần HAPACO H.P.P
- 2008 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP HAPACO nay là Công ty cổ phần Tập đoàn HAPACO kiêm Giám đốc Công ty cổ phần HAPACO H.P.P

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn HAPACO kiêm Giám đốc Công ty cổ phần HAPACO H.P.P

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không

5. Ông Nguyễn Văn Ba - Phó Tổng Giám đốc – Kiêm Tổng Giám đốc CTCP Khu công nghiệp HP

Số CMTND: 030742618 do CA Hải Phòng cấp ngày 22/7/2007

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 23/12/1960

Nơi sinh: Hải Dương

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Hải Dương

Địa chỉ thường trú: Số 176A Quang Trung, Hồng Bàng, Hải Phòng

Số điện thoại liên lạc: 031. 355 6005

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư ngành Công nghệ Thực phẩm

Quá trình công tác:

- 1978 - 1980: Công nhân Quốc phòng, XN cục hậu cần Quân khu 3
- 1980 - 1982: Học văn hóa ôn thi trường Sĩ quan chỉ huy kỹ thuật ô tô
- 1982 - 1984: Công nhân Quốc phòng, XN cục hậu cần Quân khu 3
- 1984 - 1986: Công ty Bách hóa tổng Phong Lan
- 1986 - 2007: Công ty Thương mại dịch vụ và Xuất nhập khẩu Hải Phòng
- 2007 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần HAPACO này là Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không

6. Bà Mai Thị Thanh Yên- Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính

Số CMND: do CA Hải Phòng cấp ngày

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 22/10/1973

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

Nơi sinh: Tân Tiên – An Dương - Hải Phòng
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Nguyên quán: Tân Tiên – An Dương - Hải Phòng
Địa chỉ thường trú: Số 27 Đông Trà 3, P. Dư Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng
Số điện thoại liên lạc: 031.3556.002 (máy lẻ: 124)
Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế (chuyên ngành Kế toán) - Trường Đại học kinh tế quốc dân Hà Nội, Cử nhân ngoại ngữ (chuyên ngành Anh văn) - Trường Đại học sư phạm ngoại ngữ Hà Nội, Thạc sỹ quản trị kinh doanh - Trường Đại học Nam Colombia – Hoa Kỳ.

Quá trình công tác:

- 12/1995 – 04/2000: Kế toán tổng hợp tại Công ty liên doanh Việt - Nhật
- 05/2000 – 01/2009: Kế toán trưởng – Công ty TNHH sáng tạo Interactive (100% vốn của Hoa Kỳ).
- 06/2005 – 12/2009: Giám đốc tài chính Alive Interactive – Hoa Kỳ
- 01/2010 – 07/2010: Giám đốc tài chính, quản lý dự án khu đô thị Nam sông Lạch Tray – Công ty TNHH Agape Việt Nam (100% vốn của Singapore).
- 09/2010 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần tập đoàn HAPACO

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn:

STT	Chỉ tiêu	Số lượng năm giữ (CP)	Tỷ lệ năm giữ (%) (CP)
1	Cổ đông trong nước		
	- Tổ chức	517.629	2,78
	- Cá nhân	13.701.010	73,46

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

2	Cổ đông nước ngoài		
	- Tổ chức	2.792.172	14,97
	- Cá nhân	1.485.397	7,96
3	Cổ phiếu quỹ	155.470	0,83
	Tổng cộng	18.651.678	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO